

Số: *106*/BCTN-BKC

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2020**

*Kính gửi:*

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4700149595
- Vốn Điều lệ: 117.377.280.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 131.897.807.208 đồng.
- Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Điện thoại: 02093 812 399.
- Website: <http://backanco.com> Email: [bkc@backanco.com](mailto:bkc@backanco.com)
- Mã cổ phiếu: BKC.
- Biểu tượng của Công ty:



❖ **Quá trình hình thành và phát triển:**

- Ngày 05/04/2000, Công ty khoáng sản Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Kạn.
- Tháng 4/2006, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ 51% tổng số cổ phần.
- Ngày 18/8/2009 cổ phiếu “BKC” của Công ty chính thức được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Ngày 22/10/2009, Tổng công ty đầu tư vốn nhà nước (SCIC) đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty.
- Ngày 05/04/2010, khánh thành Nhà máy luyện chì kim loại công suất 10.000 tấn/năm đặt tại xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
- Tháng 10/2016 Công ty TNHH Việt Trung trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

2. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

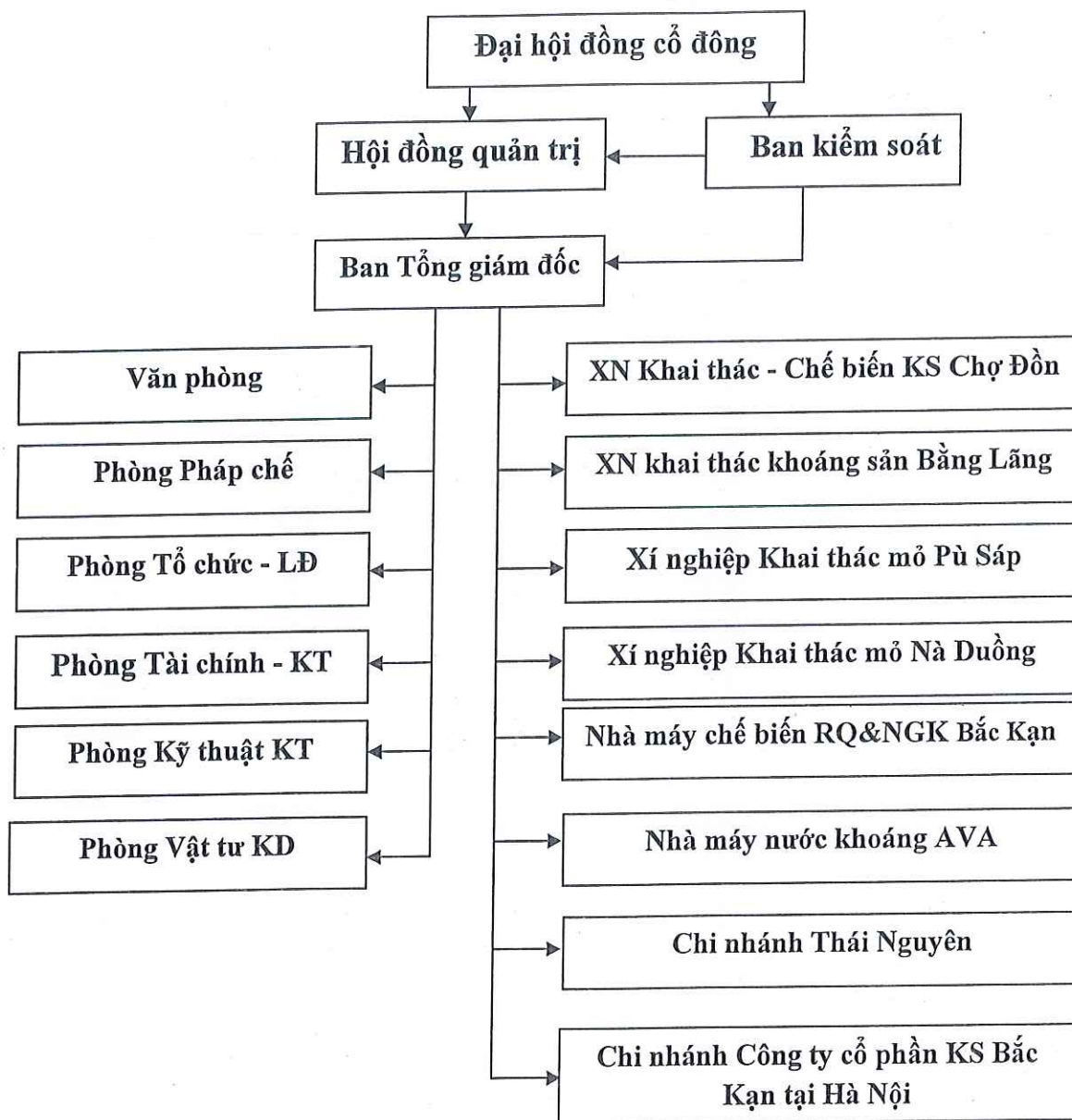
- Ngành, nghề kinh doanh chính: khai thác và chế biến quặng chì, kẽm.
- Địa bàn kinh doanh chính: tỉnh Bắc Kạn.

3. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

Hình 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn



- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty TNHH Việt Trung.
- + ) Địa chỉ: Tổ 17, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
- + ) Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác và chế biến quặng chì, kẽm.
- + ) Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.
- + ) Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100%.

#### **4. Định hướng phát triển:**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tập trung phát huy thế mạnh về cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có để phát triển sản xuất kinh doanh. Tích cực đổi mới, phát triển công nghệ kỹ thuật khai thác và tập trung cho chế biến sâu khoáng sản kim loại màu, kim loại quý hiếm; điều chỉnh chính sách và cơ chế quản lý cho phù hợp với thị trường nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động, cải thiện chế độ làm việc và phát huy tối đa năng lực của cán bộ công nhân viên; đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Khai thác khoáng sản trọng điểm tại tỉnh Bắc Kạn và các tỉnh lân cận từng bước tiến ra thị trường thế giới. Tiếp tục đầu tư mạnh cho công nghệ chế biến sâu kim loại màu đi đôi với bảo vệ môi trường.

#### **5. Các rủi ro:**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chịu tác động của các yếu tố rủi ro sau:

- Rủi ro về kinh tế: Khai thác khoáng sản cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp khác trong nền kinh tế. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam, tạo ra sức cầu quan trọng đối với ngành khai thác khoáng sản. Giá cả của các mặt hàng ngành khai thác khoáng sản có tác động to lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sản phẩm của Công ty được tham chiếu theo giá giao dịch trên thị trường quốc tế nên những biến động sẽ mang lại tác động lớn đến Công ty. Trong năm 2020 giao thương trên thế giới bị hạn chế do dịch bệnh covid-19, giá kim loại trên thị trường không ổn định sức mua giảm làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Rủi ro pháp lý: Chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản cơ bản được hoàn thiện nhưng thiếu tính đồng bộ, thủ tục hành chính đã được cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn chồng chéo cứng nhắc dẫn đến mất nhiều thời gian để thực hiện làm chậm tiến độ của dự án. Những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng khoáng sản đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chính sách về thuế, phí, bảo vệ môi trường của Nhà nước ngày càng thắt chặt.
- Bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên: Các chính sách bảo vệ môi trường, tài nguyên không tái tạo ngày càng thắt chặt ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời gian xin cấp phép khai thác khoáng sản thường kéo dài (từ 1 đến 2 năm) và là một rủi ro lớn trong hoạt động của Công ty.
- Phong tục, tập quán địa phương cũng là một trở ngại không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên: Đặc điểm của ngành khai thác khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần thực hiện công tác thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng và chất lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế kỹ thuật thì rủi ro chi phí là rất lớn. Mặc dù Công ty đã thực hiện các nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về điều kiện địa chất mỏ, tuy nhiên những nghiên cứu đánh giá này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không đúng về địa chất và trữ lượng khoáng sản có thể khai thác được sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất hàng năm của Công ty. Đây là vấn đề nan giải cần tiếp tục nghiên cứu tìm giải pháp để khắc phục.

- Rủi ro đặc thù của ngành khai thác, chế biến khoáng sản: Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải nguy hại, phế thải độc hại, chất thải thông thường với số lượng lớn. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, mưa nhiều với lượng lớn làm tăng nguy cơ bụi nước khi khai thác xuống sâu, tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn lao động; việc ngừng sản xuất do các nguyên nhân trên làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Nguồn nhân lực không ổn định, trình độ hiểu biết pháp luật của người lao động còn hạn chế, phong tục, tập quán địa phương dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác quản trị nhân lực, nghỉ việc tự do vẫn còn diễn ra nhiều ảnh hưởng đến sản xuất.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2020 Công ty hoạt động ổn định, tuy nhiên do sự bùng phát của dịch covid-19 làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2020 đã có gần 300 lao động phải tạm hoãn hợp đồng lao động. Hoạt động sản xuất ổn định từ khai thác đến chế biến; các cơ sở sản xuất, khai thác mỏ hoạt động liên tục; hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư, cải tạo và nâng cấp khang trang; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện, các trang thiết bị phục vụ sản xuất từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên; Hoạt động của Công ty ổn định đã thu hút một lực lượng lao động đông đảo cả trong và ngoài tỉnh Bắc Kạn, góp phần giải quyết việc làm, hỗ trợ an sinh xã hội, đóng góp vào giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh, tăng thu ngân sách địa phương, thúc đẩy lĩnh vực khai khoáng phục hồi và phát triển.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra:

**Bảng 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ % thực hiện
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	20.667,0	22.755,14	110,10
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.018,0	4.054,30	100,90
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.214,0	2.607,48	81,13
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ )	Tấn	6.000,0	5.423,02	90,38
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	5.000,0	0	0
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ )	Tấn	5.600,0	5.131,61	91,64
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	314,6	214,69	68,24
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	0,72	-23,03	-
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	24,14	21,14	87,57
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5,2	5,285	101,63
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7,4	7,5	101,35
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	112,2	18,17	16,19

\* Ghi chú:

- Tổng sản lượng khai thác quặng nguyên khai: **22.755,14 tấn**,

Trong đó:

+ Sản lượng mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt: 20.584,31 tấn;

+ Sản lượng mỏ chì kẽm Nà Duồng đạt: 983,92 tấn;

+ Sản lượng mỏ Lũng Váng (Cty TNHH Việt Trung) đạt: 1.186,91 tấn.

2.1. Danh sách Ban điều hành:

**Bảng 2: Danh sách Ban điều hành**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đinh Văn Hiến	Tổng giám đốc	
2	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
3	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc	
5	Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng giám đốc	

2.2. Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

- **Ông Đinh Văn Hiến - Tổng giám đốc, thành viên HĐQT**
  - Sinh ngày: 20/10/1967.
  - Dân tộc: Tày ; Quốc tịch: Việt Nam.
  - Địa chỉ: Tổ 11B, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
  - Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.576 cổ phần.
- **Ông Nguyễn Trần Nhất - Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT**
  - Sinh ngày: 27/08/1976.
  - Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam.
  - Địa chỉ: Khu phố 6, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.
  - Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- **Ông Vũ Gia Hạnh - Phó tổng giám đốc**
  - Sinh ngày: 12/10/1978.
  - Dân tộc: Tày ; Quốc tịch: Việt Nam.
  - Địa chỉ: Tổ 6, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
  - Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 1.100 cổ phần.
- **Ông Trần Văn Quyền - Phó tổng giám đốc**
  - Sinh ngày: 14/07/1982.
  - Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam.
  - Địa chỉ: Đội 2, xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.
  - Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.500 cổ phần.
- **Ông Đỗ Đình Thắng - Phó tổng giám đốc**
  - Sinh ngày: 30/07/1982.
  - Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam.
  - Địa chỉ: Hòa Tiên, Yên Phong, Bắc Ninh.
  - Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần.
- **Bà Trần Thị Yên – Kế toán trưởng**
  - Sinh ngày: 16/05/1971.
  - Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam.

- Địa chỉ: Tổ 5, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 866 cổ phần.

### 2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Về nhân sự cấp cao trong năm 2020: Không có thay đổi về nhân sự cấp cao.
- Trong năm 2020, Tổng giám đốc đã bổ nhiệm 01 Chánh văn phòng, 01 Giám đốc, 02 phó Giám đốc xí nghiệp mỏ Nà Duồng; một số trưởng, phó các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

### 2.4. Về lực lượng lao động:

- Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm hết 31/12/2020 là gần 700 người, trong đó tại Công ty con là hơn 200 người.
- Các chính sách đối với người lao động: Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động (ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm bắt buộc, đào tạo và huấn luyện về an toàn lao động, khám sức khỏe định kỳ...). Người lao động làm việc tại các mỏ được công ty bố trí chỗ nghỉ miễn phí và có người phục vụ bữa ăn hàng ngày. Ngoài các chính sách chung của nhà nước, hàng năm người lao động được công ty cho đi tham quan, nghỉ mát; các cháu thiếu nhi con của người lao động được công ty tặng quà nhân dịp 01/6, Tết Trung thu và trong các dịp Tết, Ngày Thương binh liệt sỹ (27/7), người lao động có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng được công ty trao tặng quà.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp: Tổng mức đầu tư thực hiện năm 2020: 0,79 tỷ đồng. Sản lượng khai thác bình quân đạt: **1.715,36** tấn/tháng.
- Mỏ chì kẽm Nà Duồng: Được cấp giấy phép khai thác vào tháng 07/2020, hoàn thành công tác xây dựng cơ bản mỏ và đi vào hoạt động có sản phẩm từ tháng 10/2020, sản lượng khai thác đạt: 983,920 tấn. Tổng vốn đầu tư đến thời điểm 31/12 vào mỏ là 3,5 tỷ đồng.
- Nhà máy luyện chì: Năm 2020 Nhà máy hoạt động ổn định, sản lượng sản xuất đạt: **5.423,02** tấn chì kim loại (hàm lượng Pb  $\geq$  97%); tổng chi phí đã đầu tư cho nhà máy năm 2020 là: 9,861 tỷ đồng bao gồm các hạng mục như: Hệ thống xử lý môi trường (buồng túi vải), lò luyện chì mới...
- Dự án nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít: Đã cải tạo, sửa chữa xong; tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải nguy hại để có nguồn nguyên liệu mới phục vụ sản xuất.

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có 01 Công ty con là Công ty TNHH Việt Trung. Hoạt động chính là khai thác khoáng sản tại mỏ chì kẽm Lũng Váng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn cung cấp nguyên liệu cho Xưởng tuyển và nhà máy Luyện chì của Công ty mẹ. Năm 2020 sản lượng khai thác mỏ Lũng Váng đạt: **1.186,91** tấn.

#### 4. Tình hình tài chính:

##### 4.1. Tình hình tài chính:

**Bảng 3:** Tình hình tài chính của Công ty năm 2019, 2020.

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng giảm (Tỷ đồng)
1	Tổng giá trị tài sản	361.473.077.688	388.469.148.402	Tăng 26,9
2	Doanh thu thuần	235.186.442.292	214.695.201.486	Giảm (20,4)
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	4.592.029.479	(24.187.557.915)	Giảm (28,7)
4	Lợi nhuận khác	12.140.531.708	1.157.065.222	Giảm (10,9)
5	Lợi nhuận trước thuế	16.732.561.187	(23.030.492.693)	Giảm (39,7)
6	Lợi nhuận sau thuế	12.773.189.988	(23.030.492.693)	Giảm (35,8)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.088,22	(1.962,09)	

##### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

**Bảng 4:** Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2019, 2020.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,143	1,075
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,597	0,521
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,571	0,660
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,333	1,945
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,026	1,741
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,651	0,553
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,054	-0,107
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,082	-0,175



+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,035	-0,059
+ Hệ số lợi nhuận thuần/Doanh thu thuần	0,020	-0,113

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 11.737.728 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 11.737.728 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Ngày 02/3/2020 HĐQT có nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT V/v Thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021: Ngày 23/03/2021.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 23/03/2021 như sau:

**Bảng 5: Cơ cấu cổ đông Công ty.**

TT	Cổ đông	Đến thời điểm 23/3/2021		Ghi chú
		Số cổ phần	% Vốn điều lệ	
1	Cổ đông trong nước	11.720.323	99,85	
	Cổ đông cá nhân	6.062.040	51,72	
	Cổ đông là tổ chức	5.658.283	48,28	
2	Cổ đông nước ngoài	17.405	0,15	
	<b>Tổng</b>	<b>11.737.728</b>	<b>100,00</b>	

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

### 6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên liệu:

- Tổng lượng nguyên liệu chính được sử dụng để sản xuất các sản phẩm của Công ty trong năm: 4.716,937 tấn, bao gồm các loại nguyên nhiên liệu như: Than đá, than cốc các loại và 22.843,702 tấn gồm các nguyên liệu như: xăng, dầu, trấu, gỗ.
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm của Công ty: 20%.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (điện năng): khoảng 2,5 triệu Kw/năm.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty đã áp dụng những biện pháp, sáng kiến tiết kiệm năng lượng đối với các đơn vị sử dụng trong toàn Công ty tuy nhiên do đặc thù của ngành khai thác và chế biến khoáng sản nên hiệu quả chưa cao.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không.

#### 6.4. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước mặt và nước tự nhiên; Lượng nước sử dụng: 49.723,0 m<sup>3</sup>/năm.

- Tỷ lệ phần trăm, tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 80%.

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

- Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+) Số lượng lao động: Gần 700 người (trong đó có hơn 200 người tại Công ty con).

+) Mức lương bình quân: 7.500.000 đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: công ty tuân thủ các quy định để đảm bảo sức khỏe cho người lao động như đóng đầy đủ bảo hiểm bắt buộc, tổ chức đào tạo và huấn luyện về an toàn lao động, khám sức khỏe định kỳ, thực hiện bồi dưỡng cho lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Người lao động làm việc tại các mỏ được công ty bố trí chỗ nghỉ miễn phí và có người phục vụ bữa ăn hàng ngày. Ngoài các chính sách chung của nhà nước, hàng năm người lao động được công ty cho đi tham quan, nghỉ mát; các cháu thiếu nhi con của người lao động được công ty tặng quà nhân dịp 01/6 và Tết Trung thu và trong các dịp Tết, Ngày Thương binh liệt sỹ (27/7) người lao động có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng được công ty trao tặng quà.

Riêng năm 2020, tiền thưởng và các khoản phúc lợi dành cho người lao động là:

+ Thưởng Tết dương lịch cho 426 người, mức thưởng 200.000 đồng/người và 01 quyền lịch với kinh phí thực hiện là 109.325.000 đồng.

+ Thưởng Tết âm lịch cho 497 người lao động, các mức: Từ 1,5-2,5 triệu đồng/người, với kinh phí thực hiện là 1.190.000.000 đồng.

+ Chi tặng quà nữ lao động nhân dịp 08/3 và 20/10 cho 99 lượt người, kinh phí thực hiện 19.800.000 đồng.

+ Tặng quà Tết thiếu nhi 01/6 cho 299 cháu, mức quà 200.000 đồng/cháu, kinh phí 59.800.000 đồng; Tặng quà Tết trung thu 15/8 âm lịch cho 378 cháu, mức quà 200.000 đồng/cháu, kinh phí 75.600.000 đồng tổng kinh phí 135.400.000 đồng.

+ Thưởng Quốc khánh 2/9 cho 396 lao động, mức thưởng 200.000 đồng/người, tổng kinh phí là 79.200.000 đồng.

+ Thường cho 35 em học sinh là con người lao động có thành tích xuất sắc năm học 2019-2020, với tổng kinh phí thực hiện là 17.500.000 đồng.

Trong năm 2020, Công ty và Ban Chấp hành Công đoàn đã tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động và thân nhân khi ốm đau, hiếu hỷ với 129 lượt, tổng kinh phí thực hiện 58.778.000 đồng. Tặng quà cho 54 lao động có hoàn cảnh khó khăn với tổng kinh phí thực hiện là 43.200.000 đồng. Ngoài ra, với một số công việc và địa điểm làm việc khó khăn đặc thù Công ty đã có chế độ khuyến khích riêng cho từng bộ phận, đơn vị bằng hình thức thưởng chuyên cần, thưởng đặc biệt để chia sẻ động viên, khuyến khích người lao động hăng say làm việc. Tổng số tiền đã chi trong năm 2020 là 554.000.000 đồng.

- Hoạt động đào tạo người lao động:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2020 Công ty đã tiến hành phối hợp với các cơ sở đào tạo, khám sức khỏe đủ điều để đào tạo, tập huấn kiến thức cho người lao động theo quy định, cụ thể:

+ Tập huấn người làm việc liên quan đến vật liệu nổ: 31 người; bình quân 24 giờ/người/năm;

+ Tổ chức tập huấn về an toàn vệ sinh lao động: 396 người; bình quân 8 giờ/người/năm;

+ Huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ : 06 người; bình quân 16 giờ/người/năm;

+ Toàn bộ số lao động vào làm việc đều được hướng dẫn, học tập về ATVSLĐ: bình quân 5 giờ/người/năm;

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Đào tạo nghề dài hạn: 0 lớp/năm;

+ Đào tạo ngắn hạn: 04 lớp/năm.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Hàng năm Công ty đều có các hoạt động thiện nguyện để hỗ trợ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình người có công sinh sống trên địa bàn công ty hoạt động. Nhân kỷ niệm ngày thương binh, liệt sỹ, Công ty đã phối hợp với lãnh đạo xã Bằng Lãng và xã Quảng Bạch huyện Chợ Đồn thăm hỏi, tặng 20 suất quà cho gia đình thân nhân người có công với cách mạng và 06 suất quà cho 06 gia đình chính sách có con đang làm việc tại Công ty, kinh phí thực hiện 9.200.000 đồng. Trong dịp tết Nguyên đán năm 2021 công ty đã trao 104 suất quà với tổng giá trị 61.553.500 đồng cho các hộ gia đình trên địa bàn 02 xã Quảng Bạch và Bằng Lãng huyện Chợ Đồn. Ngoài ra, công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động để hỗ trợ cho các tổ chức, đoàn thể, Cây dựng các công trình công cộng tại địa phương với tổng giá trị 214.600.000 đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Đánh giá chung: Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định có chiều sâu; cùng với người lao động có ý thức, nhiệt tình trong lao động sản xuất; Công ty nhận được sự quan tâm, động viên của lãnh đạo tỉnh trong quá trình hoạt động. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2020 đạt và vượt kế hoạch đặt ra, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch covid-19 và những điều kiện khác dẫn đến vẫn còn những chỉ tiêu chưa đạt được như kỳ vọng cụ thể: Sản lượng khai thác đạt 110,10% kế hoạch; Doanh thu đạt 68,02% so với kế hoạch là do giá kim loại trên thị trường thế giới không ổn định, sức mua không mạnh, toàn bộ sản phẩm tinh quặng kẽm chế biến ra tồn kho chưa tiêu thụ được. Sản phẩm của Công ty sản xuất ra chưa bán được làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Bên cạnh bộ máy quản lý ngày càng tinh gọn, hiệu quả; các dự án mới chuẩn bị đi vào hoạt động sẽ tạo thêm nguồn thu, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người dân địa phương; máy móc thiết bị được cơ giới, hiện đại hóa, đời sống tinh thần của người lao động được nâng thêm một mức mới...

#### **2. Tình hình tài chính:**

##### **2.1. Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty là: 388.469.148.402 đồng, tăng so với năm 2019 là: 26.996.070.714 đồng.

##### **2.2. Tình hình nợ phải trả:**

Tình hình nợ hiện tại: 253.571.341.194 đồng tăng so với cùng kỳ năm 2019 là: 50.026.563.407 đồng.

#### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Cơ cấu tổ chức ngày càng tinh gọn và hiệu quả. Chính sách quản lý minh bạch, rõ ràng, thông suốt.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

##### **4.1. Hoạt động khai thác:**

- Tiếp tục khai thác mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt sản lượng 17.000 tấn quặng/năm.

- Mỏ Lũng Váng: Dự kiến đưa mỏ hoạt động trở lại vào Quý III/2021 với công suất được cấp phép 1.650 tấn quặng/năm. Hoàn thiện công tác thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ theo quy định để nâng công suất khai thác lên khoảng 17.000 tấn quặng/năm.

- Mỏ Nà Duồng: Khai thác đạt công suất 4.750 tấn quặng/năm theo giấy phép đã được cấp.

- Hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép thăm dò 4 điểm mỏ có triển vọng trong tỉnh. Tiếp tục tạm dừng thăm dò mỏ chì kẽm Bó Nặm để tập trung thăm dò 4 điểm mỏ vừa nêu khi được cấp giấy phép.

##### **4.2. Hoạt động chế biến:**

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, Lũng Váng, Nà Duồng theo thực tế khai thác.
- Vận hành nhà máy luyện chì đạt sản lượng 6.000 tấn/năm; chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu bên ngoài để đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, đạt công suất.
- Sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì kẽm” sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đưa nhà máy Bột kẽm ô xít vào hoạt động song song với nhà máy Luyện chì. Dự kiến kế hoạch sản phẩm đạt 5.000 tấn bột kẽm ô xít.
- Xin chủ trương Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc đầu tư tổ hợp dây truyền để luyện kẽm và điện phân kẽm gồm: Nhà máy xử lý sunfua kẽm, Nhà máy xử lý tách hòa tan ô xít kẽm, Nhà máy điện phân kẽm và các công trình phụ trợ phục vụ dự án tại Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới với một số thông tin sơ bộ về dự án như sau: Tổng mức đầu tư 1.300 đến 1.500 tỷ đồng, công suất 20.000 đến 25.000 tấn kim loại kẽm/năm, tổng diện tích nhu cầu sử dụng đất 17,7 ha, vòng đời dự án dự kiến 50 năm bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản.
- Tiếp tục thực hiện các dự án đã được ĐHĐCĐ thông qua từ kỳ trước trong đó có việc xây dựng hồ chứa thải mới cho Xưởng tuyển nổi chì kẽm sunfua Lũng Váng.

#### **4.3. Các hoạt động khác:**

- Tiếp tục đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại thành phố Thái Nguyên với quy mô 10 tầng nổi, 01 tầng bán hầm, 01 tầng tum trên diện tích khu đất 237,4m<sup>2</sup> theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2133/QĐ-UBND ngày 12/07/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện.
- Tiếp tục rà soát từng khâu trong khai thác để cắt giảm tối đa chi phí, giảm giá thành khai thác.

### **5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:**

#### **5.1. Đối với Báo cáo tài chính riêng:**

Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn cùng với các nhà đầu tư khác của Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài (CHDCND Lào);

- Tên tổ chức kinh tế thành lập tại CHDCND Lào: Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn - Lào;
- Địa chỉ: Bản Kaiso, huyện Vang Viêng, tỉnh Viêng Chăn, nước CHDCND Lào;
- Mục tiêu hoạt động: Thăm dò khoáng sản chì, kẽm;
- Vốn đầu tư là các nhà đầu tư Việt Nam trong đó có Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn. Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào đang tạm dừng hoạt động. Vì vậy công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào.

#### **5.2. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:**

- Giải trình ý kiến ngoại trừ về “Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn - Lào” như đã giải trình ở trên Báo cáo tài chính riêng.

- Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung, đơn vị kiểm toán có ý kiến về khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn 4,78 tỷ đồng và tài sản cố định hữu hình với giá trị 0,78 tỷ đồng. Công ty sẽ khắc phục ý kiến kiểm toán đã nêu.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, việc sử dụng nhiều năng lượng cho sản xuất là không thể tránh khỏi. Trong các năm tiếp theo Công ty tiếp tục có những chính sách mới phù hợp khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, hạn chế và xử lý triệt để chất thải nguy hại phát sinh, khí thải...

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Tiếp tục có chính sách khuyến khích người lao động làm việc, gắn bó với công ty như tạo thu nhập ổn định, tăng thu nhập, có nhiều chính sách phúc lợi.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã và đang đồng hành cùng địa phương trong vấn đề an sinh xã hội đặc biệt là các địa bàn Công ty đang hoạt động sản xuất cũng như các địa phương nghèo cần hỗ trợ phát triển.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Trong năm 2020 với sự nỗ lực của tập thể Ban Tổng Giám đốc trong điều hành, quyết liệt trong chỉ đạo sản xuất nên kết quả đạt được của Công ty là tích cực và ổn định.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:**

Trong năm 2020 Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh; báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung cần trình HĐQT xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền. Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Tăng cường hoạt động giám sát, đảm bảo Công ty hoạt động đúng pháp luật, Điều lệ.

- Phối hợp với Ban Điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình ĐHĐCĐ thông qua và giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Trong năm 2020 đã đẩy nhanh tiến độ các dự án sản xuất bột kẽm ôxít, tái chế chì, hồ thải mới cho xưởng tuyển, mỏ chì kẽm Bó Nặm và Nà Duồng, dự án tòa nhà văn phòng tại Thái Nguyên và tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện.

- Tăng cường hỗ trợ Ban điều hành để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHCĐ, HĐQT giao.
- Đẩy mạnh công tác giám sát, đôn đốc Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự theo đề nghị của Ban điều hành trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

**Bảng 6:** Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

TT	Thành viên	Tại thời điểm		Ghi chú
		Số cổ phần	% Vốn điều lệ	
1	Ông Vũ Phi Hồ	0	0	Chủ tịch
2	Ông Đinh Văn Hiến	2.576	0,02%	Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Trần Nhất	0	0	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Mai Thanh Sơn	0	0	Không điều hành
5	Ông Nguyễn Huy Hoàn	292.200	2.49%	Không điều hành

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa thành lập.

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

**Bảng 7.** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Vũ Phi Hồ	CT HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
2	Ông Đinh Văn Hiến	TV HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
3	Ông Mai Thanh Sơn	TV HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Huy Hoàn	TV HĐQT	01/06/2014	4/4	100%	
5	Ông Nguyễn Trần Nhất	TV HĐQT	28/04/2016	4/4	100%	

- Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020:

**Bảng 8: Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị**

TT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	01/2020/NQ-HĐQT	17/02/2020	Thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bắc Kạn	100
2	02/2020/NQ-HĐQT	03/03/2020	Thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100
3	03/2020/NQ-HĐQT	24/03/2020	Hoàn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và hủy ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100
4	04/2020/NQ-HĐQT	05/5/2020	Thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100
5	05/2020/NQ-HĐQT	10/06/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100
6	06/2020/NQ-HĐQT	10/06/2020	Quyết định hạn mức vay; hạn mức bảo lãnh, bảo đảm, thế chấp và bồi thường để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty năm 2020 và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện	100
7	07/2020/NQ-HĐQT	23/06/2020	Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An	100
8	08/2020/NQ-HĐQT	15/08/2020	Thôi cử và miễn nhiệm chức Tổng giám đốc công ty TNHH Việt Trung với ông Đỗ Đình Thắng; đồng thời tuyển dụng, bổ nhiệm ông Phan Văn Việt giữ chức Tổng giám đốc Công ty TNHH Việt	100



			Trung	
9	09/2020/NQ-HĐQT	25/8/2020	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ người quản trị kiêm thư ký công ty	100
10	10/2020/NQ-HĐQT	15/10/2020	Về bổ sung kế hoạch sản xuất năm 2020	100

Bên cạnh đó HĐQT đã lập báo cáo tình hình quản trị 6 tháng, 1 năm và công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không

## 2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

**Bảng 9:** Thành viên ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016-2021

TT	Thành viên	Tại thời điểm		Ghi chú
		Số cổ phần	% Vốn điều lệ	
1	Nguyễn Thế Phòng	1.288	0,01	Trưởng ban kiểm soát
2	Đặng Thanh Vân	639.283	5,45	Thành viên
3	Bùi Đức Hùng	66	0,001	Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

**Bảng 10:** Số buổi tham dự họp Ban kiểm soát của các thành viên.

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng BKS	28/04/2016	2/2	100%	
2	Ông Đặng Thanh Vân	TV BKS	28/04/2016	2/2	100%	
3	Ông Bùi Đức Hùng	TV BKS	29/04/2017	2/2	100%	

2.2.1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

\* Đối với Hội đồng quản trị:

Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được chuẩn bị đầy đủ và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

\* Đối với Ban Tổng giám đốc Công ty:

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

2.2.2. Đối với cổ đông:

Qua công tác giám sát, BKS không phát hiện cổ đông của BKC vi phạm các quy định của Luật chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ khiếu nại nào từ các cổ đông.

2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong công ty.

2.4. Hoạt động khác của BKS:

Trong năm Ban kiểm soát họp với các nội dung sau:

- Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2019 báo cáo Đại hội đồng cổ đông, xem xét thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán.
- Làm tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông về việc các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc công ty lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2020.
- Rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tăng cường công tác kiểm tra giám sát.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:**

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2020 là: 50.000.000 đồng/tháng; từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2020 là: 40.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao của Thành viên HĐQT từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2020 là: 10.000.000 đồng/người/tháng; từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2020 là: 8.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2020 là: 4.000.000 đồng/người/tháng; từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2020 là: 3.200.000 đồng/tháng.

- Thù lao của thành viên Ban kiểm soát từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2020 là: 3.000.000 đồng/người/tháng; từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2020 là: 2.400.000 đồng/người/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Trong năm 2020 không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:  
Công ty chưa có thành viên HĐQT độc lập.

## **VI. Báo cáo tài chính:**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

#### **1.1. Tại Báo cáo tài chính riêng:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### **1.2. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên địa chỉ website: <http://backanco.com>.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi (b/c);
- HĐQT; BKS; BTGD;
- CVP; KTT; TKCT;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đình Văn Hiến**